TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liếng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 29 tháng 8 và ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:146/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: Ấp B, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn B, sinh năm 1981, địa chỉ cư trú: Ấp B, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Nh trình bày: Vào năm 2001, chị Nh và anh B có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01-01-2003 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 22-02-2006. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh B thường xuyên uống rượu. Từ đó, ngoài việc thiếu trách nhiệm với gia đình anh B còn nhiều lần có động thái

xúc phạm và gây bạo hành làm chị Nh bị tổn thương, nên chị Nh đã ly thân với anh B từ tháng 8-2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đi dần rạn nứt có tiếp tục chung sống cũng không còn hạnh phúc. Nay chị Nh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết. Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị Nh xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung, có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01-01-2003 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 22-02-2006. Chị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, vì hiện nay cháu Đ, cháu Q đang sống chung với chị Nh và cháu Đ và cháu Q có nguyện vọng sống chung với chị Nh, chị Nh không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Qua trình bày của chị Nh, anh B thống nhất về hôn nhân, vào năm 2001 anh B và chị Nh có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01-01-2003 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 22-02-2006. Trong thời gian chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng từ tháng 8-2017 chị Nh tự dưng bỏ nhà đi về nhà mẹ ruột chị sống, anh B cũng không biết nguyên nhân vì sao chị Nh bỏ nhà ra đi. Đồng thời, anh B thừa nhận có thường xuyên uống rượu do buồn chuyện gia đình, nhưng anh B không đánh đập hay xúc phạm chị Nh. Do đó, không thống nhất ly hôn. Về con chung, anh B thống nhất giao hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01-01-2003 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 22-02-2006 cho chị Nh nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mà vẫn vắng tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Từ năm 2001 đến nay, chị Nh và anh B chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*". Do đó, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị Nh và anh B không có đăng ký kết hôn nên không

công nhận chị Nh và anh B là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn B có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01-01-2003 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 22-02-2006, chị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến anh B thống nhất có hai con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01-01-2003 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 22-02-2006 và đồng ý giao con chung tên Đ và Q cho chị Nh nuôi dưỡng và anh B không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Đ, cháu Q hiện đang sống chung với chị Nh và cháu Đ, cháu Q đều có nguyện vọng sống chung với chị Nh. Vì vậy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01-01-2003 và Nguyễn Hải Q, sinh ngày 22-02-2006 cho chị Nh tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nh không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Vậy, chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Văn B không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh ngày 01-01-2003 và

Nguyễn Hải Q, sinh ngày 22-02-2006. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Nh không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0001919 ngày 04-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; chị Nguyễn Thị Nh đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06-9-2018). Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương